

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HSST

Ngày: 03.6.2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**

- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Huỳnh Thanh Trà**

- Ông **Nguyễn Văn Sanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Tuyết Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - số 344A đường Lê Thanh Nghị, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2020/TLST - HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/HSST-QĐ ngày 06.5.2021 đối với bị cáo:

Đào Văn Th, tên gọi khác: Không - Sinh ngày: 06.6.1986 tại Nghệ An. Nơi ĐKNKTT: Tổ A, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh quán nhậu; Con ông: Đào Văn M, sinh năm 1960 (còn sống) và bà Ngô Thị Đ - sinh năm 1959 (còn sống); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988; có 02 con: Lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14.10.2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: - Bà **Nguyễn Thị Lệ T** – Sinh năm 1985

Trú tại: Đường A, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Nguyễn Thị Hoài Th** – Sinh năm 1982

Trú tại: Đường T, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Lệ T** – Sinh năm 1985
Trú tại: Đường A, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

** Người làm chứng:*

- Bà **Nguyễn Thị Hoài Th** – Sinh năm 1982
Trú tại: Đường T, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Bà **Trương Thị T** - Sinh năm 1980.
Trú tại: Tổ B, phường K, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Bà **Dương Thị N** - Sinh năm 1964.
Trú tại: Đường A, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Ông **Lê Anh S** - Sinh năm 1977
Trú tại: Đường Đ, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2019, do kinh doanh bất động sản thua lỗ, cần tiền để trả nợ, Đào Văn Th nhờ T (không rõ lai lịch) làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Đào Văn Th số CP 892283 (tại thửa đất số 161, bản đồ số 145, lô số 20-B2-3, Khu đô thị Phước Lý, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) mục đích để vay tiền; nhờ Tr (không rõ lai lịch) làm giả 03 Hợp đồng lao động và 05 Đơn xin xác nhận mức lương để làm thẻ tín dụng.

Vật chứng thu giữ của Th:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Đào Văn Th số CP892293 đối với thửa đất số 161, bản đồ số 145, lô số 20-B2-3, khu TĐC Phước Lý 6, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu: có hình dấu, chữ ký của Đàm Quang H (Chủ tịch UBND quận Liên Chiểu) ghi ngày 15/03/2019; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 892283 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/03/2019 đối với thửa đất số 161, bản đồ số 145, lô số 20-B2-3, khu TĐC Phước Lý 6, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng tên Đào Văn Th.

- Vào lúc 10 giờ 25 phút ngày 14/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng khám xét nơi ở của Đào Văn Th tại thôn Th, xã C, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam thu giữ: 03 tờ giấy ghi hợp đồng lao động của Công ty

TNHH Thương mại và Dịch vụ T ký với Đào Văn Th và 05 tờ giấy ghi đơn xin xác nhận mức lương mang tên Đào Văn Th có đóng dấu xác nhận của Công ty T.

* Theo Kết luận giám định số: 105/GĐ-TL ngày 13/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Bản in “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” mang tên Đào Văn Th số CP892283 (mẫu cần giám định) ký hiệu A so với bản in “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CT 483276 (mẫu so sánh) ký hiệu M1 không phải do cùng một bản in in ra.

- Chữ ký tên Đàm Quang H trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải do người có mẫu chữ ký đứng tên Đàm Quang H trên mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M6 ký ra.

- Hình dấu có nội dung “ỦY BAN N.D QUẬN LIÊN CHIỂU TP. ĐÀ NẴNG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên tài liệu ký hiệu từ M2 đến M6 đóng ra.

* Theo Kết luận giám định số: 82/GĐ-TL ngày 03/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP892283 ghi UBND quận Liên Chiểu cấp ngày 15/03/2019 mang tên Đào Văn Th là giả.

* Theo Kết luận giám định số: 94/GĐ-TL ngày 27/08/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- 03 Hợp đồng lao động ghi ngày 12/07/2017 và 05 Đơn xin xác nhận lương ghi cùng ngày 19/07/2019 so với mẫu con dấu: do cùng một con dấu đóng ra; so với mẫu chữ ký của Lê Thanh S: không phải do cùng một người ký ra.

Sau khi làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Đào Văn Th số CP892293 (tại thửa đất số 161, bản đồ số 145, lô số 20-B2-3, khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng), Th đã đem thế chấp để vay tiền; đối với 03 Hợp đồng lao động và 05 Đơn xin xác nhận mức lương giả Th đem làm thế tín dụng để vay tiền của một Công ty tài chính (không rõ tên, địa chỉ) tại Hà Nội nhưng không được. Đối với hành vi làm giả các giấy tờ, tài liệu trên của Đào Văn Th đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả giấy tờ, tài liệu của các cơ quan tổ chức”, theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra xác định, Th dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Khoảng tháng

7/2019, Đào Văn Th nhờ anh Lê Anh S (Sinh năm 1977, trú Đường Đ, phường H, quận Liên Chiểu) tìm người vay tiền. Thông qua anh S, Th đã gặp chị Nguyễn Thị Lệ T (Sinh năm 1985, trú Đường A, phường H, quận Liên Chiểu) để vay tiền. Trong quá trình trao đổi, Th biết rõ chị T cần có giấy tờ chứng minh về tài sản để thế chấp mới cho vay tiền nên Th đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số: CP892293 đối với thửa đất số 161, bản đồ số 145, lô số 20-B2-3, khu TĐC Phước Lý 6, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu) giả để làm tài sản thế chấp. Ngày 30/07/2019, Th đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên cho chị T xem, đồng thời để chị T tin tưởng, Th đã dẫn chị T đến xem lô đất tương ứng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên. Tin những thông tin Th đưa ra là thật, chị T đồng ý cho Th vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, tại quán cà phê Galaxy trên đường Ngô Văn Sở, quận Liên Chiểu, Th viết “Giấy mượn tiền” nhận từ chị T 200.000.000 đồng, hẹn trong thời hạn 02 tháng (từ ngày 30/07/2019 đến ngày 30/09/2019) sẽ trả đủ số tiền đã mượn.

Trong thời gian này, để tạo thêm lòng tin cho chị T, Th có trả cho chị T 25.000.000 đồng vào ngày 30/08/2019, nhưng sau đó ngày 09/09/2019, Th vay thêm 45.000.000 đồng. Tiếp tục như vậy cho đến ngày 16/09/2019, Th trả cho chị T 50.000.000 đồng, đến ngày 23/09/2019, Th lại vay thêm 45.000.000 đồng. Đến ngày 30/09/2019 là ngày đến hạn trả tiền theo thỏa thuận, Th trả cho chị T 20.000.000 đồng. Do chị T đòi nợ nên Th trả tiếp cho chị T 50.000.000 đồng vào ngày 03/10/2019, nhưng liền sau đó Th vay tiếp của chị T 45.000.000 đồng, đến ngày 08/10/2019 thì bị bắt.

Qua xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP892283 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/03/2019 đối với thửa đất số 161, bản đồ số 145, lô số 20-B2-3, khu TĐC Phước Lý 6, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu được cấp cho ông Lê Hồng Ân (Sinh năm: 1980) và bà Lê Thị H (Sinh năm 1988, cùng trú tại phường A, quận Thanh Khê) đã được chuyển nhượng cho ông Lê Hồng Tr (Sinh năm 1981, trú: phường T, quận Hải Châu) và được Chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận Liên Chiểu chỉnh lý biến động sang tên vào ngày 29/03/2019 tại giấy chứng nhận nêu trên.

Đào Văn Th biết rõ mình không có tài sản nhưng dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và dẫn chị T đi xem lô đất tương ứng trong Giấy chứng nhận để chị T tin tưởng và chiếm đoạt 200.000.000 đồng của chị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, vào khoảng 14 giờ ngày 16/08/2019, thông qua chị Trương Thị Th (Sinh năm: 1980, trú: tổ A, phường Hòa K, quận Thanh Khê), Đào Văn Th gặp chị Nguyễn Thị Hoài Th (Sinh năm 1982, trú: đường H, phường Hòa Xuân,

quận Cẩm Lệ) ở quán cà phê số A đường L, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu để vay tiền. Tại đây, Th đưa 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP892283 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/03/2019 đối với thửa đất số 161, bản đồ số 145 Lô 20-B2-3, khu TĐC Phước Lý 6, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng tên Đào Văn Th cho chị Th xem. Hai bên thỏa thuận Th sẽ thế chấp Giấy chứng nhận nói trên để vay của chị Th 500.000.000 đồng. Chị Th nghi ngờ nên đem đến phòng công chứng T trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh để kiểm tra thì được Công chứng viên cho biết đó là giấy tờ giả. Lúc 16 giờ cùng ngày, chị Th đến Công an phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu trình báo sự việc và quay lại quán cà phê số A đường L để gặp Th. Tại đây, hai bên thống nhất giao trước 75.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ giao sau. Th vừa cầm tiền trên tay thì bị Công an phường Hòa Cường Nam đến và mời Th về trụ sở làm việc.

*Vật chứng thu giữ:

- số tiền 75.000.000 đồng (đã trả lại cho chị Th);

* Chuyển hồ sơ theo vụ án:

+ 02 giấy tờ giả ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP892283 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/03/2019 đối với thửa đất số 161, bản đồ số 145 Lô 20-B2-3, khu TĐC Phước Lý 6, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng tên Đào Văn Th (đã được kết luận giám định là giả);

+ 01 Giấy ủy nhiệm chi ngày 07/10/2019 do Nguyễn Thị Lệ T chuyển vào tài khoản ngân hàng Đào Văn Th;

+ 01 giấy mượn tiền do Th viết ghi ngày 30/07/2019;

+ 01 sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Sacombank, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lệ T do chị T cung cấp ngày 06/02/2020;

+ 03 tờ giấy ghi hợp đồng lao động của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T ký với Đào Văn Th. (đã được kết luận giám định là giả);

+ 05 tờ giấy ghi đơn xin xác nhận mức lương mang tên Đào Văn Th có đóng dấu xác nhận của Công ty T. (đã được kết luận giám định là giả);

- Chuyển chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu bảo quản, chờ xử lý các vật chứng sau:

+ 01 tờ giấy ghi Giấy nhận tiền cọc có nội dung ông Nguyễn Đức T bán cho Đào Văn Th 01 lô đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 19 với số tiền

180.000.000 VNĐ. Th cộc trước 30.000.000 VNĐ có chữ ký Đào Văn Th và Nguyễn Đức T ghi ngày 15/04/2018;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện ông Bùi Hữu D chuyển nhượng lô đất tại địa chỉ đường H, phường M, quận Liên Chiểu cho Đào Văn Th;

+ 01 bản photo, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Thị Phcó số: H00110; 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã số: CP366716; 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn M và 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ph;

+ 09 giấy nộp tiền có chữ ký, chữ viết của Đào Văn Th và 02 cuốn sổ có chữ ký, chữ viết của Đào Văn Th;

+ 04 thẻ ATM ngân hàng (Vietcombank, DongA Bank, VP Bank và Agribank) mang tên Đào Văn Th;

+ 01 ĐTDĐ hiệu Coolpad gắn sim: 0975570853 và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung gắn sim: 0904171917 và sim: 0936536243.

Quá trình điều tra, Đào Văn Th khai nhận hành vi phạm tội như trên, lời khai của Th phù hợp với lời khai của người bị hại Nguyễn Thị Lệ T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hoài Th, Lê Anh S, Phan Thanh S, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 36/CT-VKSHC ngày 08/04/2021 Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đã truy tố: Đào Văn Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đào Văn Th khai nhận hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đào Văn Th từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Điểm a, b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn Th từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 10 năm đến 12 năm tù.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS, khoản 2 Điều 586, Điều 599, Điều 608 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Lệ T 127.000.000 đồng.

** Về xử lý vật chứng:* Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên: Trả lại cho bị cáo Đào Văn Th 01 tờ giấy ghi Giấy nhận tiền cọc có nội dung ông Nguyễn Đức T bán cho Đào Văn Th 01 lô đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 19 với số tiền 180.000.000 VNĐ. Th cọc trước 30.000.000 VNĐ có chữ ký Đào Văn Th và Nguyễn Đức T ghi ngày 15/04/2018; 04 thẻ ATM ngân hàng (Vietcombank, DongA Bank, VP Bank và Agribank) mang tên Đào Văn Th; 01 ĐTDĐ hiệu Coolpad gắn sim: 0975570853 và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung gắn sim: 0904171917 và sim: 0936536243.

Tiếp tục quy trừ 01 ĐTDĐ hiệu Coolpad gắn sim: 0975570853 và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung gắn sim: 0904171917 và sim: 0936536243 của bị cáo Đào Văn Th để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện ông Bùi Hữu D chuyển nhượng lô đất tại địa chỉ đường H, phường M, quận Liên Chiểu cho ông Đào Văn Th; 01 bản photo, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Thị Ph có số: H00110; 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã số: CP366716; 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn M và 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ph. Đây là những giấy tờ liên quan đến các khách hàng Th photo lại, không còn giá trị; 09 giấy nộp tiền có chữ ký, chữ viết của Đào Văn Th và 02 cuốn sổ có chữ ký, chữ viết của Đào Văn Th.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng tháng 02/2019, do kinh doanh bất động sản thua lỗ, cần tiền để trả nợ, Đào Văn Th cung cấp thông tin cá nhân để T (không rõ lai lịch) làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Đào Văn Th số CP 892283 (tại thửa đất số 161, bản đồ số 145, lô số 20-B2-3, khu đô thị Phước Lý, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) mục đích để vay tiền; Nhờ Tr (không rõ lai lịch) làm giả 03 Hợp đồng lao động của Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ T ký với Đào Văn Th và 05 tờ giấy ghi Đơn xin xác nhận mức lương mang tên Đào Văn Th có đóng dấu của Công ty T để làm thẻ tín dụng, mục đích vay tiền trả nợ. Đồng thời, bị cáo Th đã sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã làm giả nói trên, dẫn bà T đến xem lô đất trên thực tế để tạo lòng tin khi thế chấp cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng tại quán cà phê Galaxy đường Ngô Văn Sở, quận Liên Chiểu vào ngày 30.7.2019.

Sau khi chiếm đoạt của bà T 200.000.000 đồng, tiếp tục với thủ đoạn trên bị cáo đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã làm giả thứ hai thế chấp cho bà Th để vay số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 16.8.2019 tại quán cà phê đường L, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu. Lần này do bà Th đã phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Th đưa là giả và trình báo Công an phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu nên hành vi của Th lần này chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, tang vật thu giữ trong vụ án, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đào Văn Th đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là “Làm 06 tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên” và “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng” như cáo trạng số 36/CT-VKSHC ngày 08/04/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đã truy tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đào Văn Th thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là nghiêm trọng, không những xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Cơ quan Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã cung cấp thông tin cá nhân cho người khác để làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Đào Văn Th số CP 892283 (tại thửa đất số 161, bản đồ số 145, lô số 20-B2-3, khu đô thị Phước Lý, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng), 03 Hợp đồng lao động của Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ T ký với Đào Văn Th và 05 tờ giấy ghi Đơn xin xác nhận mức lương mang tên Đào Văn Th có đóng dấu của Công ty T rồi sử dụng các giấy tờ giả này để bằng thủ đoạn gian dối như thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, dẫn bà T đi xem đất, Th đã chiếm đoạt của bà T 200.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là rất nghiêm trọng. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi phạm tội này của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho cả hai tội. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả 40.000.000 đồng cho bị hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành là có cơ sở.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 triệu đồng và theo khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh của cơ quan điều tra thì gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thể hiện, để có tiền trả nợ bị cáo Đào Văn Th đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa vay của chị T 200.000.000 đồng. Bị cáo Th cho rằng, mặc dù bị cáo viết giấy vay tiền của chị T là vay 200.000.000 đồng không thể hiện lãi suất, nhưng trên thực tế hai bên thống nhất lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng là 30.000.000 đồng/tháng nên khi giao tiền chị Thu chỉ giao 170.000.000 đồng (đã trừ tiền lãi 1 tháng là

30.000.000đồng). Ngày 30.8.2019 bị cáo tiếp tục chuyển khoản tiền lãi tháng thứ 2 cho chị T 25.000.000 đồng của khoản vay 200.000.000 đồng do chị T đồng ý giảm bớt lãi. Ngày 30.9.2019 bị cáo tiếp tục chuyển khoản tiền lãi tháng thứ 3 cho chị T 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị hại đã thừa nhận bị cáo đã trả 2 lần là 45.000.000 đồng nhưng cho rằng số tiền này gồm 12.000.000 đồng dùng để trả lãi và 33.000.000 đồng trả gốc. Đây là hành vi cho vay lãi nặng nhưng bị cáo chấp nhận mức lãi vì đây là thủ đoạn để bị cáo vay được tiền. Để có lợi cho bị cáo trong việc xác định trách nhiệm dân sự bị cáo phải bồi thường cho bị hại nên HĐXX chấp nhận theo yêu cầu của bị hại trừ vào tiền gốc buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền còn lại là 200.000.000 đồng – 33.000.000 đồng đã trả. Ngày 22.3.2021 gia đình của bị cáo đã tự nguyện khắc phục thiệt hại cho bị hại 10.000.000 đồng. Ngày 14.5.2021 gia đình của bị cáo đã tiếp tục tự nguyện khắc phục thiệt hại cho bị hại 30.000.000 đồng. Như vậy số tiền thiệt hại còn lại buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại là 200.000.000 đồng – 33.000.000 đồng (đã trả gốc) – 40.000.000 đồng (tiền khắc phục) = 127.000.000 đồng buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 09.9.2019 đến ngày 07.10.2019 bà T có cho Th mượn số tiền 135.000.000 đồng, Th khai nhận là đã trả đầy đủ số tiền nói trên cho bà T, bà T cho rằng Th mới trả 100.000.000 đồng nhưng bà T không yêu cầu Th trả trong vụ án này vì đây là giao dịch dân sự. Qua quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa HĐXX xét thấy các giao dịch này giữa bị cáo và bị hại là giao dịch dân sự tuy nhiên, bà T cho vay với lãi suất vượt quá rất nhiều lần so với quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 xét thấy có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng do thời gian cho vay 45.000.000 đồng trong thời hạn 7 ngày (từ ngày 09.9.2019 đến ngày 16.9.2019) nhưng giữa bị cáo và bị hại đều xác nhận mức lãi suất phải trả là 5.000.000 đồng như vậy mức lãi suất trong trường hợp này là 580%/năm tương ứng với gần 48%/tháng. Tương tự như vậy, từ ngày 23.9.2019 vay 45.000.000 đồng đến ngày 03.10.2019 Thành phải trả 50.000.000 đồng (lãi 5.000.000 đồng). Vấn đề này đã được Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Hải Châu không đồng ý. Nên cần kiến nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Hải Châu tiến hành xem xét tránh bỏ lọt tội phạm.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm:

[9.1] Đối với số tiền 75.000.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã trả cho chị Nguyễn Thị Hoài Th là có cơ sở nên HĐXX không xét.

[9.2] Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 02 giấy tờ giả ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP892283 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/03/2019 đối với thửa đất số 161, bản đồ số 145 Lô 20-B2-3, khu TĐC Phước Lý 6, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng tên Đào Văn Th (đã được kết luận giám định là giả); 01 Giấy ủy nhiệm chi ngày 07/10/2019 do Nguyễn Thị

Lệ T chuyển vào tài khoản ngân hàng Đào Văn Th; 01 giấy mượn tiền do Th viết ghi ngày 30/07/2019; 01 sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Sacombank, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lệ T do chị T cung cấp ngày 06/02/2020; 03 tờ giấy ghi hợp đồng lao động của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T ký với Đào Văn Th (đã được kết luận giám định là giả); 05 tờ giấy ghi đơn xin xác nhận mức lương mang tên Đào Văn Th có đóng dấu xác nhận của Công ty T (đã được kết luận giám định là giả);

[9.3] Trả lại cho bị cáo Đào Văn Th các vật chứng không phải là công cụ phạm tội hiện vẫn còn giá trị sử dụng gồm: 01 tờ giấy ghi Giấy nhận tiền cọc có nội dung ông Nguyễn Đức T bán cho Đào Văn Th 01 lô đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 19 với số tiền 180.000.000 VNĐ. Th cọc trước 30.000.000 VNĐ có chữ ký Đào Văn Th và Nguyễn Đức T ghi ngày 15/04/2018 (Đây là giấy tờ giao dịch ban đầu với khách hàng trước đây của Th, vẫn còn giá trị); 04 thẻ ATM ngân hàng (Vietcombank, DongA Bank, VP Bank và Agribank) mang tên Đào Văn Th. Hiện vẫn còn giá trị sử dụng; 01 ĐTDĐ hiệu Coolpad gắn sim: 0975570853 và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung gắn sim: 0904171917 và sim: 0936536243.

[9.4] Tiếp tục quy trừ 01 ĐTDĐ hiệu Coolpad gắn sim: 0975570853 và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung gắn sim: 0904171917 và sim: 0936536243 của bị cáo Đào Văn Th để đảm bảo thi hành án.

[9.4] Đối với các vật chứng sau không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy gồm: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện ông Bùi Hữu D chuyển nhượng lô đất tại địa chỉ đường H, phường M, quận Liên Chiểu cho ông Đào Văn Th. (Đây là giấy tờ giao dịch ban đầu với khách hàng trước đây của Th đã hoàn thành, không còn giá trị); 01 bản photo, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Thị Ph có số: H00110; 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã số: CP366716; 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn M và 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ph. Đây là những giấy tờ liên quan đến các khách hàng Th photo lại, không còn giá trị; 09 giấy nộp tiền có chữ ký, chữ viết của Đào Văn Th và 02 cuốn sổ có chữ ký, chữ viết của Đào Văn Th. Đây là những tài liệu có liên quan đến việc kinh doanh của Th, không còn giá trị;

- Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25.5.2020.

[10] Đối với người đàn ông tên T và người Phụ Nữ tên Tr có hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, 03 Hợp đồng lao động và 05 Đơn xin xác nhận mức lương cho Th hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau là có cơ sở.

[11] Đối với 03 Hợp đồng lao động và 05 Đơn xin xác nhận mức lương qua làm việc với ông Phan Thanh S là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T xác định: Tại thời điểm năm 2017, 2018, 2019 Công ty thuê kế toán

ngoài (không ký hợp đồng) và có giao con dấu cho kế toán giữ nhưng hiện nay không xác định được những kế toán này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có cơ sở.

[12] Từ những nhận định trên, xét thấy lời luận tội của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về tội danh và áp dụng các điều luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đồng thời do bị cáo phải bồi thường cho bị hại nên phải chịu án phí dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn Th 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn Th 04 (bốn) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo Đào Văn Th phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14.10.2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 586, Điều 599, Điều 608 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Lệ T 127.00.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Hải Châu tiến hành xem xét tránh bỏ lọt tội phạm đối với các giao dịch dân sự vay tiền giữa bị cáo Đào Văn Th và bị hại đối với các khoản vay từ ngày 09.9.2019.

3. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: Tuyên:

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 02 giấy tờ giả ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP892283 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/03/2019 đối với thửa đất số 161, bản đồ số 145 Lô 20-B2-3, khu TĐC Phước Lý 6, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng tên Đào Văn Th (đã được kết luận giám định là giả); 01 Giấy ủy nhiệm chi ngày 07/10/2019 do Nguyễn Thị Lệ T chuyển vào tài khoản ngân hàng Đào Văn Th; 01 giấy mượn tiền do Th viết ghi ngày 30/07/2019; 01 sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Sacombank, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lệ T do chị T cung cấp ngày 06/02/2020; 03 tờ giấy ghi hợp đồng lao động của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T ký với Đào Văn Th (đã được kết luận giám định là giả); 05 tờ giấy ghi đơn xin xác nhận mức lương mang tên Đào Văn Th có đóng dấu xác nhận của Công ty T (đã được kết luận giám định là giả);

- Trả lại cho bị cáo Đào Văn Th gồm: 01 tờ giấy ghi Giấy nhận tiền cọc có nội dung ông Nguyễn Đức T bán cho Đào Văn Th 01 lô đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 19 với số tiền 180.000.000 VNĐ. Thành cọc trước 30.000.000 VNĐ có chữ ký Đào Văn Th và Nguyễn Đức T ghi ngày 15/04/2018; 04 thẻ ATM ngân hàng (Vietcombank, DongA Bank, VP Bank và Agribank) mang tên Đào Văn Th; 01 ĐTDĐ hiệu Coolpad gắn sim: 0975570853 và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung gắn sim: 0904171917 và sim: 0936536243.

- Tiếp tục quy trữ 01 ĐTDĐ hiệu Coolpad gắn sim: 0975570853 và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung gắn sim: 0904171917 và sim: 0936536243 của bị cáo Đào Văn Th để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện ông Bùi Hữu D chuyển nhượng lô đất tại địa chỉ đường H, phường M, quận Liên Chiểu cho ông Đào Văn Th; 01 bản photo, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Thị Ph có số: H00110; 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã số: CP366716; 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn M và 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ph; 09 giấy nộp tiền có chữ ký, chữ viết của Đào Văn Th và 02 cuốn sổ có chữ ký, chữ viết của Đào Văn Th.

- Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25.5.2020.

3. *Án phí*: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đào Văn Th phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.350.000 đồng án phí dân sơ thẩm.

Bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Trai giam CA TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thùy